

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY
TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG
(Từ ngày 10/11 đến ngày 16/11/2017)

Phần thứ 1
TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Các tỉnh Bắc bộ

| Cây trồng | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích (ha) |
|------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| - Ngô đông | 2 -7 lá - xoáy nõn, pt bắp | 57.548 |
| - Cây đậu tương | 2-7 lá, PTTL | 2.684 |
| - Rau họ hoa thập tự | Cây con-phát triển thân lá | 19.689 |
| - Cây ăn quả | | |
| <i>Cam, quýt, bưởi</i> | <i>Phát triển quả - thu hoạch</i> | 46.764 |
| <i>Nhãn, vải</i> | <i>PT lộc, chăm sóc</i> | 78.519 |
| <i>Na</i> | <i>Chăm sóc</i> | 6.641 |
| - Mía | Tích lũy đường - thu hoạch | 16.594 |
| - Sắn | Phát triển củ | 58.154 |
| - Chè | Phát triển búp – thu hái | 89.531 |
| - Cà phê | KTCB - Phát triển quả | 16.077 |

2. Các tỉnh Bắc Trung bộ

| Cây trồng | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích (ha) |
|--------------------|--------------------------------|-----------------------|
| - Lúa Hè Thu - Mùa | Chín - Thu hoạch | 1.696 |
| - Ngô Hè Thu | Trỗ cờ - Chín sữa- chín sấp | 38.448,00 |
| - Cây lạc đông | Phân cành - ra hoa | 2.876,00 |
| - Rau các loại | Mới trồng - phát triển thân lá | 16.296,70 |
| - Cây sắn | Phát triển củ - thu hoạch | 51.741 |
| - Cây mía | Vươn lóng-tích lũy đường | 55.595,50 |
| - Cây cam, chanh | Quả già- Thu hoạch | 20.232 |
| - Cây cà phê | Thu hoạch | 5.661 |
| - Cây hồ tiêu | Phân hóa hoa - ra hoa | 3.671 |
| - Cây chè | KTCB - KD | 11.538 |

3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên

| Cây trồng | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích (ha) |
|---|---------------------------------|-----------------------|
| - Cây lúa: | | 112.719 |
| <i>Lúa rẫy</i> | <i>Trỗ -phơi màu, thu hoạch</i> | <i>14.076</i> |
| <i>Lúa 3 vụ</i> | <i>Chín-thu hoạch</i> | <i>10.457</i> |
| <i>Lúa vụ 10 +12+lúa gieo + lúa lỡ vụ</i> | <i>ĐN rộ-thu hoạch</i> | <i>16.430</i> |
| <i>Lúa mùa</i> | <i>ĐN rộ- thu hoạch</i> | <i>71.105</i> |
| <i>Lúa Đông Xuân cực sớm</i> | <i>Đẻ nhánh-đứng cái</i> | <i>651</i> |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 49.505 |
| - Đậu đỗ vụ 2 | Quả non - thu hoạch | 36.911 |
| - Ngô vụ 2 | PTTL-Trỗ cờ - thu hoạch | 123.328 |
| - Lạc vụ 2 | PTTL-Trỗ cờ - thu hoạch | 7.989 |
| - Cây cà phê | Chắc quả - chín, thu hoạch | 596.553 |
| - Mía | Tạo đường-chín sinh lý | 105.470 |
| - Tiêu | Nuôi quả | 80.318 |
| - Cây điều | Phát triển thân lá | 116.809 |
| - Cây sắn | Nuôi củ - thu hoạch | 152.712 |
| - Thanh long | Ra hoa - trái chín | 27.281 |
| - Cây dừa | Trái | 10.998 |

4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

| Cây trồng | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích (ha) |
|---------------------------|------------------------------|-----------------------|
| - Lúa Thu Đông- Mùa 2017 | | 997.210 |
| | <i>Đòng-trỗ-chín</i> | <i>524.068</i> |
| | <i>Thu hoạch xong</i> | <i>473.142</i> |
| - Lúa Đông Xuân 2017-2018 | | 212.203 |
| | <i>Mạ</i> | <i>70.577</i> |
| | <i>Đẻ nhánh</i> | <i>102.740</i> |
| | <i>Đòng-trỗ</i> | <i>30.856</i> |
| | <i>Chín</i> | <i>7.376</i> |
| | <i>Thu hoạch</i> | <i>654</i> |
| - Cây bắp | Các giai đoạn | 26.589 |
| - Cây có múi | Phát triển quả, thu hoạch | 90.646 |
| - Cây thanh long | Ra hoa – thu hoạch | 15.220 |
| - Cây nhãn | Ra coi, ra đọt | 33.165 |
| - Cây cà phê | Nuôi trái | 38.820 |
| - Cây hồ tiêu | Nuôi trái | 45.183 |
| - Cây điều | Chăm sóc, chuẩn bị ra hoa | 184.174 |
| - Cây dừa | Khai thác | 143.872 |

Phần thứ 2

SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN

1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

1.1. Cây lúa

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 6.030 ha (tăng 819 ha so với kỳ trước, tăng 1.067 ha so với CKNT), phòng trừ 867 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh VL, LXL:** Diện tích nhiễm 710,9 ha (giảm 279,576,7 ha so với kỳ trước, tăng 710,9 ha so với CKNT), nặng 49,8 ha. Phân bố tại, Đồng Tháp (80 ha), Long An (49 ha), An Giang (551,5 ha, nặng 49,8 ha), Tp.Hồ Chí Minh (30,4 ha).

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn hại lá:** Diện tích nhiễm 13.176 ha (giảm 4.836 ha so với kỳ trước, giảm 7.812 ha so CKNT), nặng 152 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam (11.212 ha, nặng 32 ha).

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 2.131 ha (tăng 1.046 ha so với kỳ trước, tăng 1.361 ha so CKNT), phòng trừ 1.485 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 2.616 ha (giảm 195 ha so với kỳ trước, giảm 191 ha so với CKNT), phòng trừ 1.351 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 11.107 ha (giảm 44 ha so với kỳ trước, tăng 1.835 ha so với CKNT), nhiễm nặng 03 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 2.363 ha (tăng 200 ha so với kỳ trước, giảm 1.588 ha với CKNT). Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 5.184 ha (tăng 2.323 ha so với kỳ trước, tăng 1.144 ha với CKNT), nhiễm nặng 05 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Chuột:** Diện tích hại 5.185 ha (tăng 77 ha so với kỳ trước, tăng 737 ha so với CKNT), nặng 47 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích hại 3.215 ha (tăng 110 ha so với kỳ trước, giảm 1.494 ha so với CKNT), nặng 24 ha, mất trắng 86 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Ngoài ra, sâu đục thân (929 ha), bệnh vàng lá (205 ha), nhện gié (380 ha), bọ trĩ (226 ha)....

Trong tuần do ảnh hưởng của mưa và triều cường có 21.147 ha lúa và 135 ha cây ăn trái bị thiệt hại do ngập úng tại tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Cây ngô:

- Bệnh lùn sọc đen: Diện tích nhiễm 90,67 ha (Thái Bình 66,47 ha, Hòa Bình 12,5 ha, Hải Phòng 10,2 ha, Ninh Bình 1,5 ha), nặng 0,2 ha.

- Các đối tượng khác: bệnh đốm lá (334 ha), bệnh khô vằn (452 ha, nặng 10 ha), rệp (229 ha), sâu đục thân (284 ha, nặng 02 ha)... gây hại nhẹ.

1.3. Các loại rau màu:

- Bệnh xoắn lá cà chua: Diện tích nhiễm 929 ha, nhiễm nặng 392 ha (Lâm Đồng).

- Các đối tượng khác gây hại nhẹ: Bọ nhảy (214,5 ha), sâu tơ (81,8 ha), bệnh mốc sương (604,9 ha)...

1.4. Cây nhãn: Bệnh chổi rồng nhiễm 5.538 ha (giảm 172 ha so kỳ trước, giảm 4.406 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.527 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

1.5. Cây thanh long: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 6.103 ha (giảm 425 ha so kỳ trước), nhiễm nặng 39 ha, phòng trừ 3.586 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Long An, Tiền Giang, Đồng Nai,...

1.6. Cây ăn quả có múi: Bệnh Greening diện tích nhiễm 2.886 ha (giảm 50 ha so với kỳ trước, giảm 1.034 ha so CKNT), nặng 143 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Nai,...

1.7. Cây dứa: Bọ cánh cứng hại diện tích 10.140 ha (giảm 16 ha so với kỳ trước, tăng 9.074 ha so với CKNT) nặng 1.784 ha, chủ yếu tại các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Hậu Giang, Tp.Hồ Chí Minh...

1.8. Cây hồ tiêu

- **Tuyến trùng rễ:** Diện tích nhiễm 6.496 ha (tăng 13 ha so với kỳ trước, tăng 584 ha so với CKNT) nặng 1.843 ha, phòng trừ 1.007 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Phú Yên...

- **Bệnh chết chậm:** Diện tích nhiễm 5.874 ha (tăng 94 ha so với kỳ trước, tăng 1.052 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 1.585 ha, mất trắng 01 ha, phòng trừ 1.491 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Dương...

- **Bệnh chết nhanh:** Diện tích nhiễm là 1.904 ha (tăng 97 ha so với kỳ trước, tăng 539 ha so với CKNT), nhiễm nặng 125 ha, mất trắng 7,2 ha, phòng trừ 1.077 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Phước...

1.9. Cây cà phê

- **Bệnh khô cành:** Diện tích nhiễm 14.113 ha (tăng 3.179 ha so với kỳ trước, tăng 5.647 ha so CKNT), nhiễm nặng 27 ha, phòng trừ 2.588 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

- **Bệnh gỉ sắt:** Diện tích nhiễm 11.834 ha (tăng 2.005 ha so với kỳ trước, tăng 5.354 ha so CKNT), nhiễm nặng 148 ha, phòng trừ 10.223 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

1.10. Cây điều

- **Bọ xít muỗi:** Diện tích nhiễm 16.092 ha (giảm 2.245 ha so với kỳ trước, tăng 14.002 ha so CKNT), nặng 149 ha, phòng trừ 1.858 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Gia Lai, Đắk Lắk...

- **Bệnh thán thư:** Diện tích nhiễm 20.034 ha (tăng 547 ha so với kỳ trước, tăng 18.295 ha so CKNT), nặng 139 ha. Tập trung tại Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Đắk Lắk...

1.11. Cây sắn (mì): Bệnh khảm lá

- Tổng diện tích nhiễm cộng dồn là 5.862 ha (không tăng so với kỳ trước), nhiễm nặng 153 ha, mất trắng 581 ha. Phân bố tại 02 tỉnh Tây Ninh và Bình Dương.

2. Các chủ trương, biện pháp đã triển khai, thực hiện

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV các tỉnh phía Nam tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Đông Xuân 2017-2018 “né rầy” hiệu quả. Điều tra diễn biến bệnh VL-LXL trên đồng ruộng và tiếp tục lấy mẫu rầy nâu kiểm tra xác định tỷ lệ nhiễm virus phục vụ công tác chỉ đạo.

- Các tỉnh phía Bắc chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV ngày 15/11/2017 về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam hại lúa ở các tỉnh, thành phía Bắc.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng.

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh chủ động phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn, bệnh chết nhanh chết chậm hại hồ tiêu, bệnh khô cành trên cây cà phê; bệnh thán thư và bọ xít muỗi hại điều; bọ cánh cứng hại dứa.

- Tỉnh Tây Ninh, Bình Dương tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống bệnh khảm lá sắn, rà soát thống kê diện tích nhiễm nặng, khoanh vùng xử lý bọ phấn và tiêu hủy nguồn bệnh theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các địa phương tiếp tục theo dõi các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa và các cây trồng khác. Phát hiện và hướng dẫn phòng trừ trên những diện tích có mật độ, tỷ lệ cao.

- Các tỉnh tiếp tục triển khai đề án IPM và đề án ứng dụng biện pháp sinh học trong phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa.

II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

1. Các tỉnh phía Bắc

- Cây ngô, rau màu: bệnh đốm lá, khô vằn, sâu đục thân, ... phát sinh gây hại tăng nhẹ. Bọ nhảy, sâu ăn lá, rệp, dòi đục hành... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại nhẹ đến trung bình.

- Cây mía: Bệnh chổi cỏ tiếp gây hại tại những ruộng chưa được tiêu hủy hoặc tiêu hủy chưa triệt để tại Nghệ An và có xu hướng tăng; Bọ hung đen gây hại ở vùng mía ven sông, trên chân đất cát pha và đất thịt nhẹ tại Thanh Hóa ở mức độ nhẹ đến trung bình, nặng cục bộ.

- Cây ăn quả (cam, chanh, bưởi): Bệnh chảy gôm, bệnh loét, sẹo, ruồi đục quả, nhện hại...tiếp tục gây các vườn cây già cỗi, chăm sóc kém và phòng trừ không tốt.

- Cây nhãn: Nhện lông nhung tiếp tục phát sinh gây hại.
- Cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại có xu hướng tăng Bệnh thán thư, bệnh chết chậm tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ nhẹ đến trung bình, nặng cục bộ tại các vườn cây già cỗi úng nước.
- Cây cà phê: Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, rệp các loại,.. trên cây cà phê tiếp tục gây hại trên các vườn cây, mức độ tăng chậm. Hại nặng cục bộ trên những vườn cây lâu năm chăm sóc kém, phòng trừ sâu bệnh không tốt.
- Cây sắn: Nhện đỏ, rệp sáp, bọ phấn ...tiếp tục gây hại cục bộ trên đồng ruộng.

2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên

a) Cây lúa:

- Trên lúa Đông Xuân cực sớm, lúa Mùa, lúa lờ vụ giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng các đối tượng bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông,... hại lúa nhẹ. Trên lúa Đông Xuân cực sớm ở giai đoạn mạ - đẻ nhánh sâu năn, sâu keo, bọ trĩ, dòi đục nõn...phát sinh gây hại nhẹ.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, bệnh bạc lá, bệnh khô vằn... hại lúa Mùa giai đoạn đòng trổ –chín.

- Bệnh bạc lá vi khuẩn hại cục bộ trên các giống nhiễm vùng ổ dịch.
- Chuột: gây hại cục bộ trên lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh và trên lúa gieo.
- OBV: Di chuyển và lây lan theo nguồn nước và gây hại diện rộng sau mưa lũ.

b) Cây trồng khác

- Cây ngô và rau màu: Sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, sâu khoang, rệp, bệnh trên thân-lá-rễ...hại rải rác; bệnh xoắn lá cà chua tiếp tục gây hại; Bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, sâu đục thân+bắp,...hại ngô giai đoạn trổ cờ - thu hoạch...

- Cây cà phê: Rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt, bệnh đốm mắt cua,... tiếp tục gây hại tăng.

- Cây tiêu: Tuyến trùng rễ, bệnh chết nhanh hại giảm; rệp sáp, bệnh chết chậm...tiếp tục gây hại tăng.

- Cây điều: Sâu đục thân, bọ xít muỗi, bệnh nấm hồng, bệnh thán thư,...tiếp tục gây hại.

- Cây mía: Sâu non bọ hung, sâu non xén tóc, bệnh sọc đỏ... gây hại giảm nhẹ; bệnh trắng lá do *phytoplasma*,... gây hại cục bộ mía vùng ổ dịch.

- Cây sắn: Nhện đỏ, bệnh chổi rồng,... gây hại giảm.

- Cây dứa: Bọ cánh cứng, bệnh đốm lá, bệnh thối nõn,...tiếp tục phát sinh gây hại.

- Cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mù, bệnh nấm hồng, bệnh thán thư,...tiếp tục gây hại trên sầu riêng.

- Cây Thanh long: Bệnh đốm nâu, thán thư, bệnh thối rễ tốp cành,... gây hại giảm.

3. Các tỉnh phía Nam

a) Cây lúa

- Rầy nâu: phổ biến tuổi 3-5, rải rác có rầy trưởng thành di trú do lúa Thu Đông đang thu hoạch rộ. Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến rầy nâu ngoài đồng khi có gieo cấy lúa Mùa, phun trừ rầy nâu khi ruộng lúa xuất hiện rầy nâu với mật số cao nhằm tránh thiệt hại do rầy nâu gây ra; nhất là rầy di trú mang mầm bệnh vàng lùn, LXL ở các tỉnh Đông Nam Bộ theo gió mùa đông bắc đến các trà lúa Đông Xuân mới gieo sạ ở các tỉnh ĐBSCL.

- Bệnh đạo ôn phát triển, có thể tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm trên trà lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ.

Ngoài ra, cần lưu ý OBV đối với các trà lúa mới gieo sạ, bệnh bạc lá ở giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng; chuột, bệnh đen lép hạt ở giai đoạn trổ chín. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại nhẹ.

b) Cây trồng khác

- Cây nhãn: bệnh chổi rồng giảm diện tích nhiễm.
- Cây thanh long: bệnh đốm nâu tăng diện tích nhiễm.
- Cây hồ tiêu: Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh và chết chậm tăng diện tích nhiễm.
- Cây điều: diện tích nhiễm Bọ xít muỗi giảm và bệnh thán thư tăng.
- Cây dứa: diện tích nhiễm bọ cánh cứng và diện tích nhiễm bọ vòi voi giảm nhẹ.
- Cây cà phê: Bệnh khô cành giảm diện tích và rệp sáp tăng nhẹ diện tích nhiễm.

Phần thứ 3

ĐỀ NGHỊ

1. Các tỉnh phía Bắc

- Thực hiện tốt Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam hại lúa ở các tỉnh, thành phố phía Bắc. Kiểm tra theo dõi chặt chẽ diễn biến bệnh lùn sọc đen trên ngô. Thực hiện tốt công văn số 1857/BVTV-TV ngày 15 tháng 8 năm 2017 và công văn số 3228/BNN-BVTV ngày 05 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn một số biện pháp cơ bản phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại ngô.

- Theo dõi sâu bệnh trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao.

2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên

- Các chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật điều tra bệnh VL-LXL, thống kê, đánh giá tình hình phát sinh bệnh lùn sọc đen theo

công văn 2489/BVTV-TV ngày 23/10/2017 của Cục Bảo vệ thực vật. Chủ động trong phòng chống bệnh lùn sọc đen trong vụ sản xuất Đông Xuân 2017-2018.

- Các địa phương bị thiệt hại do lũ gây ra cần tích cực khắc phục kịp thời, chuẩn bị giống, vật tư để gieo sạ vụ Đông Xuân 2017-2018 theo đúng lịch thời vụ.

- Theo dõi côn trùng vào đèn để dự tính dự báo sinh vật gây hại cho vụ Đông Xuân 2017-2018.

- Ra quân diệt chuột, OBV; Nắm bắt tình hình sản xuất thực tế ở địa phương, chủ động xây dựng phương án chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ tốt sản xuất ngay từ đầu vụ.

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng... gây hại trên lúa Mùa giai đoạn trổ - chín; sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng; bọ trĩ, sâu keo, dòi đục nõn...trên lúa mạ- đẻ nhánh.

- Theo dõi các đối tượng sâu ăn lá, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, sâu đục thân, bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt... hại lạc, đậu đỗ, ngô vụ 2 ở Tây Nguyên; bệnh virus, sâu xanh, sâu tơ, sâu đục quả, bệnh thối nhũn, phấn trắng... hại rau màu.

- Tiếp tục kiểm tra xử lý kịp thời bệnh chổi rồng, đốm lá, nhện đỏ, rệp sáp bột hồng... hại sắn; Sâu non bọ hung, xén tóc, sâu đục thân, bệnh trắng lá, bệnh than,...hại mía; theo dõi bệnh nứt thân xì mù, bệnh nấm hồng, rệp sáp ... hại cây sàu riêng tại Khánh Hòa, Lâm Đồng.

- Theo dõi các đối tượng: rệp sáp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt...trên cà phê giai đoạn chắc quả - thu hoạch; Tuyến trùng rễ, rệp sáp, bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm,...hại hồ tiêu giai đoạn nuôi quả; bọ xít muỗi, bệnh nấm hồng ...hại điều giai đoạn phát triển thân lá.

- Tiếp tục theo dõi bệnh đốm nâu, bệnh thối rễ tọt cành, bệnh thán thư,...hại trên cây thanh long ở Bình Thuận. Tăng cường tuyên truyền phổ biến kỹ thuật và quản lý bệnh đốm nâu hại thanh long theo công văn số 1162/BVTV - QLSVGHR của Cục BVTV ngày 28/6/2016.

- Chỉ đạo phòng trừ những sinh vật gây hại có mật độ và tỷ lệ hại cao tránh lây lan, hạn chế thiệt hại cho sản xuất.

3. Các tỉnh phía Nam

- Thực hiện tốt công tác dự tính dự báo, nhất là tình hình rầy di trú để thông tin, cảnh báo, điều chỉnh lịch xuống giống tập trung, đồng loạt và né rầy từng khu vực.

- Kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá cho lúa Đông Xuân chính vụ 2017-2018.

- Trong điều kiện mưa nắng xen kẽ bệnh đốm nâu phát sinh phát triển nhanh, nhất là ở giai đoạn mang trái tại các vùng chuyên trồng thanh long Tiền Giang và Long An. Hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình phòng trừ của Cục bảo vệ thực vật.

- Các tỉnh có trồng sắn ở khu vực Đông Nam Bộ cần tăng cường công tác điều tra phát hiện nhất là bệnh khảm lá sắn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư hại điều theo quy trình kỹ thuật của Cục Bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình sinh vật gây hại trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý, phòng trừ kịp thời.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dùa và bọ đuôi kim cung cấp cho các tỉnh; các tỉnh trong cả nước thực hiện văn bản số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và công văn số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục BVTV;
- Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);
- Trung tâm BVTV vùng;
- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;
- Báo NNVN; Đài VTC16;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quý Dương

DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG

(Từ ngày 10/11 đến ngày 16/11/2017)

| TT | Tên dịch hại | Diện tích nhiễm (ha) | | | | DTN nhiễm so | | Diện tích phòng trừ (ha) | Phân bố tập trung |
|----|------------------------------|----------------------|--------|-------|-----------|--------------|--------|--------------------------|--|
| | | Tổng số | Nhẹ-TB | Nặng | Mất trắng | Kỳ trước | CKNT | | |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 13.176 | 13.024 | 152 | | -4.836 | -7.812 | | BL, ST, ĐNA, KG, TV, VL |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 2.131 | 2.131 | | | 1.046 | 1.361 | 1485 | TV, ST, LA, TNI, BL, HG, ĐT |
| 3 | Rầy hại lúa | 6.030 | 6.030 | | | 819 | 1.067 | 867 | BL, ĐT, AG, LA, BRVT, TNI |
| 4 | Sâu đục thân hại dành héo | 929 | 929 | | | -280 | -721 | 102 | ST, BL, LA, VL, ĐNA, TN, GL, BTH |
| 5 | Bệnh VL, LXL hại lúa | 710,9 | 661,1 | 49,8 | | -76,7 | 710,9 | | AG, LA, HCM, ĐT |
| 6 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 2.616 | 2.616 | | | -195 | -191 | 1.351 | BL, TN, ST, AG, TG, ĐT, HCM |
| 7 | Bệnh bạc lá lúa | 11.107 | 11.104 | 3 | | -44 | 1.835 | 2.630 | BL, TG, LA, ĐN, ĐT, BTR, ST, BTH |
| 8 | Chuột hại lúa | 5.185 | 5.138 | 47 | | 77 | 737 | 367 | ST, BL, CM, AG, TV, LA, ĐN |
| 9 | Ốc bươu vàng | 3.215 | 3.105 | 24 | 86 | 110 | -1.494 | | ST, ĐNA, BP, HCM, KG, VL |
| 10 | Bệnh khô vằn hại lúa | 2.363 | 2.363 | | | 200 | -1.588 | 1.183 | LA, ĐNA, VL, ST, TG, BL, TN, BTH, GL, BĐ |
| 11 | Bệnh đen lép hạt | 5.184 | 5.179 | 5 | | 2.323 | 1.447 | 1.853 | AG, ĐT, ST, KG, TN, TG, ĐN |
| 12 | Chối rồng nhân | 5.538 | 4.011 | 1.527 | | -172 | -4.406 | | VL, ST, CT, ĐT, BP, HG, TG, BTr, ĐN |
| 13 | Bệnh đốm nâu thanh long | 6.103 | 6.064 | 39 | | -425 | - | 3.586 | BTH, LA, TG, ĐN, BR-VT |
| 14 | Bệnh Greening hại cây có múi | 2.886 | 2.743 | 143 | | -50 | -1.034 | | VL, TG, HG, ST, ĐN |
| 15 | Bọ cánh cứng hại dứa | 10.140 | 8.357 | 1.784 | | -16 | 9.074 | | CM, BTr, TG, KG, TV, ST, HG, HCM |
| 16 | Tuyến trùng hại tiêu | 6.496 | 4.653 | 1.843 | | 13 | 584 | 1.007 | GL, ĐL, ĐN, BP, ĐN, PY, KG, |

| TT | Tên dịch hại | Diện tích nhiễm (ha) | | | | DTN nhiễm so | | Diện tích phòng trừ (ha) | Phân bố tập trung |
|----|-----------------------------|----------------------|--------|-------|-----------|--------------|--------|--------------------------|---|
| | | Tổng số | Nhẹ-TB | Nặng | Mất trắng | Kỳ trước | CKNT | | |
| 17 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 5.874 | 4.287 | 1.585 | 1 | 94 | 1.052 | 1.491 | PY, KH, GL, LĐ, ĐN, BP, ĐN, KG, VT, BTh, BD |
| 18 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 1.904 | 1.772 | 125 | 7,2 | 97 | 539 | 1.077 | K-Hòa, G.Lai, Đ.Lắk, Đ.Nông BP, ĐN, KG, LĐ |
| 19 | Bệnh khô cành cà phê | 14.113 | 14.086 | 27 | | 3.179 | 5.647 | 2.588 | G.Lai, L.Đông, Đlắk, Q.Trị |
| 20 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 11.834 | 11.686 | 148 | | 2.005 | 5.354 | 10.223 | Lai, L.Đông, Đlắk, Q.Trị |
| 21 | Bọ xít muỗi hại điều | 16.092 | 15.943 | 149 | | -2.245 | 14.002 | | BP, ĐN, LĐ |
| 22 | Thán thư hại điều | 20.034 | 19.895 | 139 | | 547 | 18.295 | | BP, ĐN, LĐ |
| 23 | Bệnh khảm lá virus sắn (mì) | 5.862 | 5.128 | 153 | 581 | -35 | 5.862 | | TN, BD |

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT